TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 19, 06/05 – 10/05/2024

"Những cơn gió ngược chiều"

Tiêu điểm:

- Tại Mỹ, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 3.9%, trái ngược với kỳ vọng của các chuyên gia rằng thước đo này sẽ đứng im ở mức 3.8%. Báo cáo do Bộ Lao động Mỹ công bố nền kinh tế số một thế giới đã tạo ra thêm 175 nghìn việc làm trong tháng 4 thấp hơn kì vọng 240 nghìn và thấp hơn tháng trước (việc làm tháng 3 là 315 nghìn).
- So với tháng 12-2023, CPI Việt Nam tháng 04 tăng 1.19% YTD và so với cùng kỳ năm trước tăng 4.4% YoY. Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3.93%YoY; lạm phát cơ bản tăng 2.81% YoY.

Đánh giá: Đà phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam sau dịp nghỉ lễ chủ yếu do các dữ liệu vĩ mô thế giới củng cố cho quan điểm hạ lãi suất của FED, cụ thể, dữ liệu việc làm trong tháng 4 của Mỹ thấp hơn kì vọng. Nhìn thêm về sức khỏe kinh tế Việt Nam, cũng như là lợi nhuận Q1 của nhiều doanh nghiệp, chúng tôi đánh giá đà phục hồi này chỉ mang tính kĩ thuật và ngắn hạn. Cụ thể các chính sách thúc đẩy tăng trưởng đang gặp khó khăn, dù số liệu kinh tế Q1 có mức tăng trưởng dương nhưng vẫn thấp hơn kì vọng phục hồi.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, thị trường tiếp tục phục hồi đóng cửa tại 1,244 (+23 điểm, +1.94% YoY) với thanh khoản cải thiện. Tuy nhiên, VNINDEX có dấu hiệu đi ngang tại vùng 1,250 cho thấy cung cầu cân bằng tại khu vực này. Kì vọng thị trường giao dịch trong biên độ 1,230 – 1,280.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên hạn chế mua mới trong giai đoạn này khi nhịp tăng ngắn hạn từ đáy có dấu hiệu suy giảm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,245	1.9	-1.1	3.9	10.2		15.5	1.7	200
Upcom Index	92	2.2	1.2	2.7	5.4		12.6	1.3	53
HNX Index	236	3.3	-1.3	2.0	2.0		19.3	1.2	12
VN30 Index	1,277	1.7	1.1	5.3	12.9		12.4	1.7	140
S&P 500 Index	5,214	1.7	1.0	3.7	9.3		24.9	4.8	45,504
STOXX Europe 600 Index	521	3.1	2.0	7.2	8.6		15.7	2.1	14,789
Hang Seng	18,964	2.6	8.2	20.4	11.2		10.4	1.1	2,778
Nikkei 225	38,229	0.0	-2.3	3.6	14.2		27.1	2.2	4,511
SHCOMP Index	3,155	1.6	4.2	10.1	6.0		14.4	1.3	6,680
STI Index	3,291	-0.1	1.5	4.7	1.4		11.6	1.1	365
KOSPI Index	2,728	1.9	1.1	4.1	2.7		16.5	1.0	1,565

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.9	-0.9	11.8	9.4	-11.4	-24.7	74.0	-4.8	13.7	1.7	4,481,485
Mid Cap	3.3	-0.9	9.8	42.8	6.4	-27.9	17.7	3.3	19.6	1.2	520,218
Small Cap	2.6	-2.5	-3.4	43.3	5.4	-27.2	8.3	1.5	230.3	0.7	69,937

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	10.5	7.2	15.5	113.4	23.8	-8.2	1.5	0.7	20.9	2.3	68,822
Du lịch và Giải trí	9.6	16.4	25.0	52.7	34.9	72.0	1.2	0.3	n.a	12.4	120,644
Hóa chất	6.3	1.2	33.0	39.1	41.9	-3.6	5.9	1.0	26.6	2.0	234,702
Tài chính	6.2	-2.6	12.1	25.8	-20.2	-43.8	12.2	0.9	19.5	1.6	203,099
Truyền thông	6.1	3.4	-18.9	83.7	39.6	-4.8	4.7	1.7	25.3	0.9	1,735
Công nghệ Thông tin	5.6	15.1	34.8	9.3	5.1	23.4	3.3	-0.2	25.6	4.2	185,040
Tài nguyên cơ bản	5.5	1.1	6.6	41.6	-7.4	-32.9	2.8	0.5	23.0	1.5	225,757
Bán lẻ	4.4	11.5	35.3	-32.7	2.5	5.6	6.2	-4.5	86.8	3.7	125,896
Ô tô & Phụ tùng	4.2	2.9	11.2	98.0	63.2	9.8	0.6	0.3	16.7	1.2	16,257
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.3	2.5	19.6	12.8	23.8	-1.8	7.6	-0.3	15.1	1.5	155,909
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.1	-1.2	15.5	15.8	9.1	2.9	1.8	0.0	15.4	1.9	61,597
Tiện ích	1.9	-2.7	1.9	18.3	0.3	-23.4	1.3	0.0	19.1	1.8	302,849
Thực phẩm và đồ uống	1.9	0.1	0.6	49.1	17.9	-9.1	9.9	2.2	22.3	2.3	429,071
Xây dựng và vật liệu	1.7	-4.0	2.6	1.4	-23.5	-51.4	5.3	-0.8	19.9	1.2	130,265
Bảo hiểm	1.5	-1.7	3.6	-14.2	6.0	-25.0	0.1	0.0	6.9	1.3	42,232
Bất động sản	0.8	-7.0	-1.0	13.5	-20.7	-34.9	19.8	-0.5	16.0	1.1	742,929
Dược và Y tế	0.3	-0.8	6.6	47.7	12.5	8.2	0.2	0.0	15.3	2.0	36,721
Ngân hàng	0.2	-2.0	15.3	8.7	-25.1	-27.2	15.6	-1.1	9.7	1.5	1,983,599

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,251**	3.8	-30.9	-180.9	-306.9
Nước ngoài	**2,304**	26.2	4.0	-86.4	-72.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	515	0.0	0.0	1.3	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	832	14.6	31.8	-12.4	58.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	420	0.0	-25.1	-38.4	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	319	11.6	-2.7	-32.9	37.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	192	0.0	0.0	0.1	-21.1
Premia MSCI Vietnam ETF	11	0.0	0.0	-4.1	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**948**	-22.5	-34.9	-94.5	-234.0
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	299	0.0	0.7	-40.2	-80.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-22.5	-34.5	-53.2	-151.5
MAFN VN30 ETF	24	0.0	-0.1	-0.1	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	-1.1	-1.1	-2.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.1	0.1	2.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	-490	-830	-1,927	-569
Indonesia	-187	-401	-1,542	144
Nhật Bản*	1,756	1,756	21,564	31,969
Maylaysia	190	278	-10	-196
Philippines	-47	-71	-483	-321
Hàn Quốc	922	915	2,709	14,898
Sri Lanka	0	-1	-1	-26
Đài Loan	419	344	-4,485	245
Thái Lan	-27	-127	-19	-1,953
Việt Nam	-89	-90	-219	-620

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

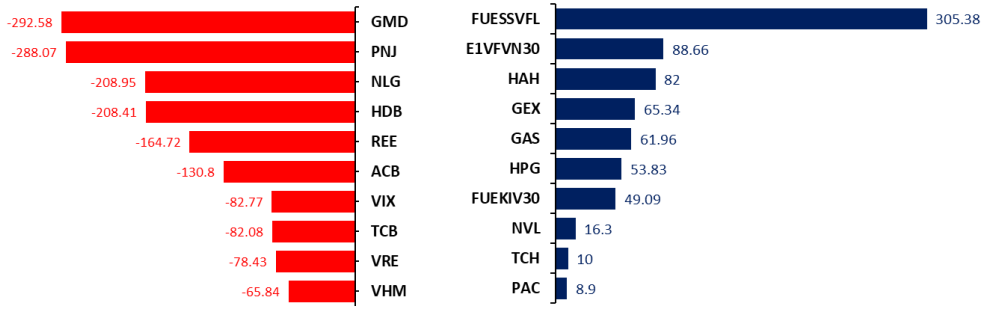
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

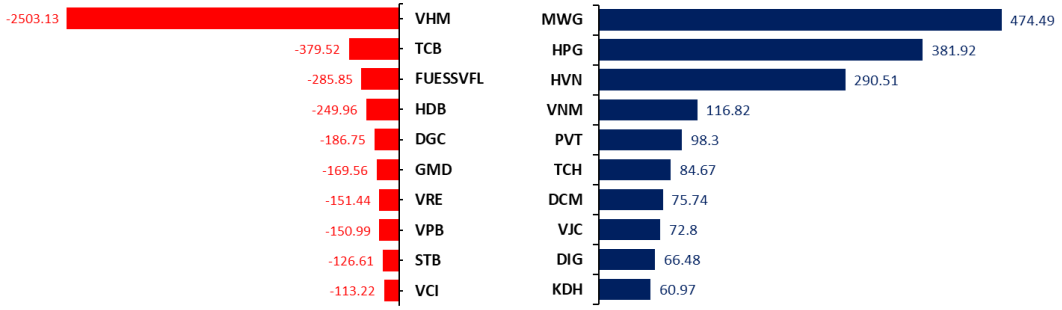
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-412	-2,185	2,115	69
Tài nguyên Cơ bản	50	339	-549	211
Truyền thông	0	2	-2	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-299	-18	236	-218
Y tế	0	3	-6	3
Hóa chất	-18	-70	24	46
Dịch vụ tài chính	316	-417	171	246
Du lịch và Giải trí	-60	343	-249	-94
Ngân hàng	-560	-1,094	1,321	-227
Xây dựng và Vật liệu	-24	-67	-38	105
Thực phẩm và đồ uống	-31	73	-17	-56
Bán lẻ	-32	357	-501	144
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62	-18	219	-200
Hàng cá nhân & Gia dụng	-289	17	46	-63
Công nghệ Thông tin	-2	15	-14	-1
Ô tô và phụ tùng	24	112	-134	23
Bảo hiểm	1	9	-10	1
Dầu khí	-14	-38	61	-23
Tổng	-1,288	-2,639	2,672	-32

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DXV	Xây dựng và Vật liệu	3.49 - 7.90	6.5	-10.7%
2	HID	Xây dựng và Vật liệu	2.63 - 4.29	3.2	-10.0%
3	CIG	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 8.09	4.1	-9.9%
4	SFC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.65 - 25.40	20.5	-8.7%
5	DHM	Tài nguyên Cơ bản	7.10 - 11.50	9.7	-7.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.6%	58.9	31.70 - 59.20	Công nghệ Thông tin	CMG
23.5%	5.7	4.09 - 15.95	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PSH
22.0%	33.0	16.50 - 33.00	Ô tô và phụ tùng	SRC
21.4%	5.2	4.23 - 14.40	Thực phẩm và đồ uống	AGM
21.1%	33.0	8.00 - 14.35	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VOS

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.60 - 37.40	26.3	-19.8%
2	PTD	Xây dựng và Vật liệu	5.20 - 17.20	10.1	-16.5%
3	DC2	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 9.40	7.2	-15.3%
4	VE1	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 5.20	2.9	-14.7%
5	CAN	Thực phẩm và đồ uống	28.80 - 71.00	47.7	-13.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
35.1%	77.4	35.00 - 77.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PHN
25.0%	5.5	3.10 - 5.50	Thực phẩm và đồ uống	CTP
24.0%	6.2	4.30 - 6.70	Tài nguyên Cơ bản	NSH
23.0%	29.4	13.90 - 29.90	Dầu khí	PVB
22.7%	13.5	7.60 - 19.80	Du lịch và Giải trí	ATS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CMW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.10 - 14.10	9.1	-27.2%
2	VTA	Xây dựng và Vật liệu	3.00 - 7.90	4.9	-26.9%
3	CFV	Thực phẩm và đồ uống	17.70 - 43.90	20.0	-25.9%
4	SEP	Hóa chất	19.60 - 38.90	29.0	-25.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	5.00 - 16.20	10.3	-23.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
47.2%	24.0	13.00 - 32.30	Bất động sản	XDH
47.1%	5.0	3.10 - 23.90	Tài nguyên Cơ bản	AAH
33.8%	9.9	7.40 - 10.70	Xây dựng và Vật liệu	S74
33.3%	12.0	5.00 - 14.50	Xây dựng và Vật liệu	CI5
31.5%	19.6	6.80 - 20.30	Tài nguyên Cơ bản	LMC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	PAC	CTCP Cảng Quy Nhơn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,083.1	16,565.0	32.0	23.00 - 36.50	0.2
2	YEG	Tập đoàn Yeah1	Truyền thông	11,436.1	389.2	9.9	6.27 - 12.70	8.8
3	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	603.8	340.7	13.3	10.75 - 16.60	10.0
4	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	11,384.2	276.5	49.2	31.80 - 50.90	10.6
5	PLX	Petrolimex	Dầu khí	62,232.5	270.2	40.1	31.30 - 42.20	11.4
6	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32,276.4	243.5	12.9	8.00 - 14.35	21.1
7	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	24,469.6	232.0	33.8	15.95 - 34.90	13.8
8	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	3,537.0	222.4	60.0	48.00 - 63.00	5.8
9	TRA	Traphaco	Y tế	316.8	210.5	79.0	75.00 - 95.90	-3.5
10	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	4,551.1	204.5	14.7	7.27 - 16.00	8.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

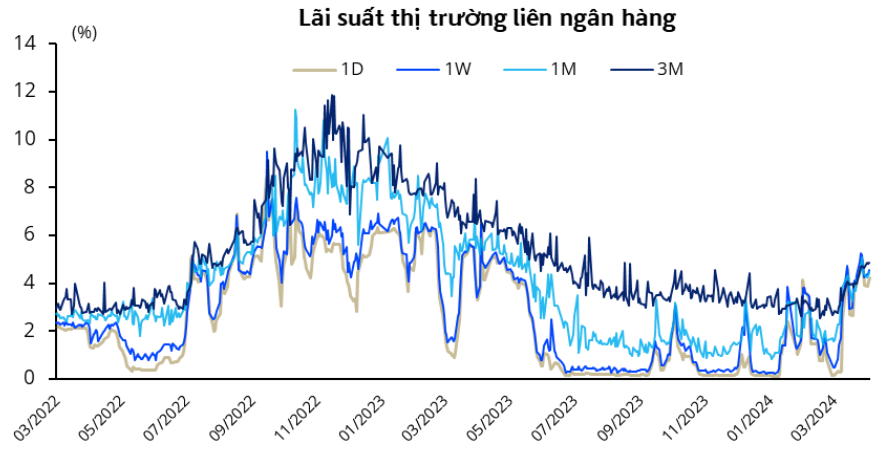
Tỷ giá

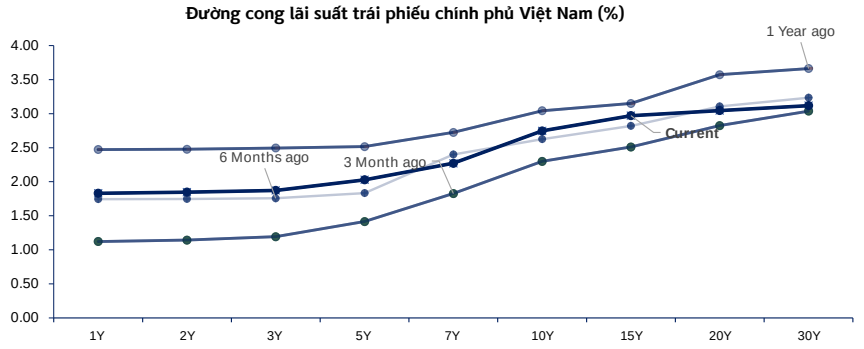
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	105.25	0.2	0.0	1.1	3.9	
VND/USD	25,452	0.1	2.0	4.2	4.9	
KRW/USD	1,368.05	0.4	1.0	3.0	6.2	
JPY/USD	155.67	1.7	1.6	4.2	10.4	
EUR/USD	0.93	-0.2	-0.4	-0.1	2.4	
SGD/USD	1.35	0.3	-0.1	0.6	2.5	
CNY/USD	7.22	-0.2	-0.1	0.4	1.8	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	79.74	2.1	-7.5	3.8	11.3	
Xăng	255.19	-0.1	-8.3	9.1	21.4	
Gas	2.32	8.4	23.1	25.7	-7.7	
Than	144.95	-1.9	13.5	20.2	-1.0	
Vàng	2,350.21	2.1	0.7	16.3	13.9	
Bạc	28.64	7.8	2.5	26.2	20.3	
Platinum	991.22	3.5	2.7	11.0	-0.1	
Quặng sắt	116.96	-0.9	12.1	-9.2	-14.2	
Thép cán	3,816.00	0.0	1.2	-5.5	-6.4	
Lúa mì	619.75	5.7	11.1	3.9	-1.3	
Ngô	443.50	-0.8	2.1	3.4	-5.9	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.83	1.85	1.87	2.03	2.27	2.75	2.97	2.51	2.82
Thay đổi (BPS)*	-2.30	-2.30	-2.30	-4.80	-2.60	-4.30	-2.60	-0.60	-0.40

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.